TỔNG CỤC THUẾ **CỤC THUẾ TP HÀ NỘI** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: 85039/CT-TTHT *V/v chính sách thuế TNCN đối với người nước ngoài*	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018*

Kính gửi: Công ty TNHH Kế toán SEOU Việt Nam
(Đ/c: Tầng 13, tòa nhà Charmvit Tower, số 117 phố Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội - MST: 0106589307)

Trả lời công văn số 201808001/CV-TNCN đề ngày 27/8/2018 (nhận ngày 29/8/2018) của Công ty TNHH Kế toán SEOU Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế TNCN đối với người nước ngoài. Sau khi báo cáo Tổng cục Thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân.

+ Tại Điều 1 quy định về người nộp thuế như sau:

"...1. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam, trong đó ngày đến và ngày đi được tính là một (01) ngày. Ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu (hoặc giấy thông hành) của cá nhân khi đến và khi rời Việt Nam. Trường hợp nhập cảnh và xuất cảnh trong cùng một ngày thì được tính chung là một ngày cư trú.

Cá nhân có mặt tại Việt Nam theo hướng dẫn tại điểm này là sự hiện diện của cá nhân đó trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo một trong hai trường hợp sau:

b.1) Có nơi ở thường xuyên theo quy định của pháp luật về cư trú:

b.1.1) Đối với công dân Việt Nam: nơi ở thường xuyên là nơi cá nhân sinh sống thường xuyên, ổn định không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

b.1.2) Đối với người nước ngoài: nơi ở thường xuyên là nơi ở thường trú ghi trong Thẻ thường trú hoặc nơi ở tạm trú khi đăng ký cấp Thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an cấp.

b.2) Có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế, cụ thể như sau:

b.2.1) Cá nhân chưa hoặc không có nơi ở thường xuyên theo hướng dẫn tại điểm b.1, khoản 1, Điều này nhưng có tổng số ngày thuê nhà để ở theo các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế cũng được xác định là cá nhân cư trú, kể cả trường hợp thuê nhà ở nhiều nơi.

b.2.2) Nhà thuê để ở bao gồm cả trường hợp ở khách sạn, ở nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, ở nơi làm việc, ở trụ sở cơ quan,... không phân biệt cá nhân tự thuê hay người sử dụng lao động thuê cho người lao động.

Trường hợp cá nhân có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo quy định tại khoản này nhưng thực tế có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế mà cá nhân không chứng minh được là cá nhân cư trú của nước nào thì cá nhân đó là cá nhân cư trú tại Việt Nam.

Việc chứng minh là đối tượng cư trú của nước khác được căn cứ vào Giấy chứng nhận cư trú. Trường hợp cá nhân thuộc nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định thuế với Việt Nam không có quy định cấp Giấy chứng nhận cư trú thì cá nhân cung cấp bản chụp Hộ chiếu để chứng minh thời gian cư trú.

2. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện nêu tại khoản 1, Điều này....

+ Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 6 quy định về kỳ tính thuế như sau:

"Kỳ tính thuế theo năm: áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Trường hợp trong năm dương lịch, cá nhân có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên thì kỳ tính thuế được tính theo năm dương lịch.

Trường hợp trong năm dương lịch, cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì kỳ tính thuế đầu tiên được xác định là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Từ năm thứ hai, kỳ tính thuế căn cứ theo năm dương lịch.

Ví dụ 3: Ông B là người nước ngoài lần đầu tiên đến Việt Nam từ ngày 20/4/2014. Trong năm 2014 tính đến ngày 31/12/2014, ông B có mặt tại Việt Nam tổng cộng 130 ngày. Trong năm 2015, tính đến 19/4/2015 ông B có mặt tại Việt Nam tổng cộng 65 ngày. Kỳ tính thuế đầu tiên của ông B được xác định từ ngày 20/4/2014 đến hết ngày 19/4/2015. Kỳ tính thuế thứ hai được xác định từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015."

+ Tại Điểm b3, Khoản 1, Điều 25 quy định về khấu trừ thuế như sau:

"...b.3) Đối với cá nhân là người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập căn cứ vào thời gian làm việc tại Việt Nam của người nộp thuế ghi trên Hợp

đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam để tạm khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam từ 183 ngày trong năm tính thuế) hoặc theo Biểu thuế toàn phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế)....”

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn như sau:

1. Về nguyên tắc, việc xác định cá nhân, người nước ngoài là đối tượng cư trú tại Việt Nam dựa vào số ngày có mặt tại Việt Nam của cá nhân đó trong năm tính thuế hoặc 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.

Ví dụ: Ông X làm việc tại Việt Nam từ năm 2013-2015 (trong thời gian này cá nhân đáp ứng đủ điều kiện là cá nhân cư trú theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính) và đã thực hiện quyết toán thuế TNCN theo quy định trước khi về nước. Ngày 01/11/2016 ông X trở lại Việt Nam làm việc đến hết năm 2018, kỳ tính thuế đầu tiên của ông X được xác định từ ngày 01/11/2016 đến hết ngày 31/10/2017. Kỳ tính thuế thứ hai được xác định từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017...

2. Thời điểm bắt đầu tính thuế TNCN của cá nhân nước ngoài căn cứ vào ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam của cá nhân đó cho mục đích làm việc phát sinh thu nhập tại Việt Nam ghi trên hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam theo quy định tại điểm b3, Khoản 1, Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp ông Y sang Việt Nam công tác một tuần vào tháng 2 năm 2017, sau đó ông Y quay lại Việt Nam làm việc chính thức theo Hợp đồng lao động và ở Việt Nam liên tục đến năm 2018 thì kỳ tính thuế của ông Y được xác định kể từ ngày ông Y sang Việt Nam công tác vào tháng 2 năm 2017.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc phát sinh cụ thể đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn và hỗ trợ.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Công ty được biết để thực hiện./.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ DNNCN - TCT (để báo cáo)
- Phòng Kiểm tra thuế số 1;
- Phòng QLT TNCN
- Phòng Pháp chế
- Lưu: VT, TTHT(2).

Mai Sơn

VPL-TS24.COM.VN
WWW.TS24.COM.VN